

Số: 153 /KH-UBND

Hung Yên, ngày 04 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và triển khai thực hiện công tác quản lý giết mổ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, kiểm soát giết mổ động vật bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và Quyết định 1740/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 ngày 03/10/2025 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 361/TTr-NNMT ngày 28/4/2026 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và triển khai thực hiện công tác quản lý giết mổ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch “Xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và triển khai thực hiện công tác quản lý giết mổ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030” như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện xây dựng Mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung giai đoạn 2026-2030, ưu tiên thực hiện đối với cơ sở giết mổ lợn.
- Nâng cao trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp, các ngành về quản lý hoạt động giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật theo quy định của pháp luật;
- Đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa các khâu: Chăn nuôi - giết mổ - chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng lực chế biến sản phẩm chăn nuôi, làm gia tăng giá trị của sản phẩm chăn nuôi gắn với xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đảm bảo nguồn cung thực phẩm an toàn cho nhân dân.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp về chỉ đạo, điều hành, chuyên

môn kỹ thuật, nguồn lực nhằm từng bước đưa hoạt động giết mổ, kinh doanh, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định của pháp luật;

- Phân công, phân cấp, phân định rõ trách nhiệm quản lý giữa cấp tỉnh và xã theo mô hình hai cấp quản lý. Gắn trách nhiệm cụ thể cho người đứng đầu các cấp chính quyền, đặc biệt cấp xã trong quản lý, giám sát và xử lý hành vi vi phạm;

- Tổ chức quản lý, kiểm tra, kiểm soát việc giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật đảm bảo sản phẩm động vật có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được kiểm soát giết mổ.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỘ TRÌNH

1. Quan điểm

- Việc giết mổ động vật để kinh doanh phải được thực hiện theo Điều 64 Luật Thú y; yêu cầu quyết liệt chỉ đạo xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung nhằm ngăn chặn, phòng ngừa dịch bệnh lây lan qua việc giết mổ nhỏ lẻ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

- Đối với địa bàn các xã chưa xây dựng được cơ sở giết mổ tập trung, Ủy ban nhân dân xã quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng hoặc nâng cấp cơ sở giết mổ đã có đảm bảo điều kiện để thực hiện kiểm soát giết mổ; đồng thời kiểm soát chặt chẽ nguồn cung thịt và sản phẩm động vật tại các chợ, điểm kinh doanh thực phẩm đảm bảo rõ nguồn gốc xuất xứ và đã có dấu kiểm soát của cơ quan chức năng.

- Xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và tổ chức quản lý hoạt động giết mổ phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng và an sinh xã hội. Trong đó, ưu tiên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các cơ sở giết mổ không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y hoặc không đáp ứng công suất thực hiện theo lộ trình đưa gia súc, gia cầm vào giết mổ tại các cơ sở đủ điều kiện; từng bước giảm dần các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, tạo thuận lợi cho công tác kiểm soát giết mổ. Đồng thời, công khai danh sách các cơ sở giết mổ đủ điều kiện, bảo đảm an toàn và có kiểm soát để người tiêu dùng biết, lựa chọn, qua đó góp giảm thiểu số cơ sở giết mổ tự phát, trái phép, không bảo đảm an toàn thực phẩm.

2. Mục tiêu, lộ trình thực hiện

a) Đối với cơ sở giết mổ lợn:

Ủy ban nhân dân cấp xã sắp xếp các cơ sở giết mổ không đủ điều kiện, công suất vào cơ sở đảm bảo điều kiện giết mổ theo lộ trình sau:

- Năm 2026-2027: Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở giết mổ các điều kiện hoạt động đối với cơ sở giết mổ theo quy định (đăng ký kinh doanh, vệ sinh thú y, môi trường, ...); vận động các cơ sở giết mổ có điều kiện về nguồn vốn, năng lực, quỹ đất đầu tư mở rộng quy mô, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ đảm bảo các điều kiện theo quy định; vận động cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, số lượng ít (dưới 3 con lợn/ngày) không đảm bảo các điều kiện theo quy định dừng hoạt động giết mổ hoặc đưa vào giết mổ tại các cơ sở đảm bảo quy mô, điều kiện trong địa bàn cùng xã, phường, liên xã, phường. Phấn đấu đến hết năm 2027

giảm được từ 50% đến 60% số cơ sở giết mổ lợn (tương đương khoảng 700 cơ sở giết mổ). Kết thúc giai đoạn, số cơ sở giết mổ lợn còn khoảng 650 cơ sở.¹

- Giai đoạn 2028-2029: Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giết mổ có công suất dưới 10 con lợn/ngày theo hướng liên kết, hợp tác, nâng công suất hoạt động của mỗi cơ sở đạt tối thiểu 10 con lợn/ngày trở lên. Phân đầu đến hết năm 2029 giảm được từ 40% đến 50% số cơ sở giết mổ lợn (tương đương khoảng 300 cơ sở giết mổ). Kết thúc giai đoạn tổng số cơ sở giết mổ lợn còn khoảng 350 cơ sở giết mổ.

- Năm 2030: Xây dựng các cơ sở giết mổ có công suất đạt từ 20 con lợn/ngày trở lên. Phân đầu đến hết năm 2030 giảm được từ 40% (tương đương khoảng 150 cơ sở giết mổ) số cơ sở giết mổ lợn trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2030, toàn tỉnh có ít hơn 200 cơ sở giết mổ có công suất từ 20 con lợn/ngày/cơ sở trở lên.

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động nghiên cứu; căn cứ lộ trình chung của tỉnh và tình hình thực tế về quy mô, điều kiện cụ thể của các cơ sở giết mổ trên địa bàn, thống nhất lựa chọn, bố trí địa điểm xây dựng mới hoặc nâng cấp cơ sở giết mổ hiện có đảm bảo yêu cầu tập trung giết mổ và thực hiện kiểm soát giết mổ; chậm nhất đến hết năm 2027, chấm dứt hoạt động giết mổ lợn tự phát trái phép.

b) Đối với cơ sở giết mổ trâu bò và gia cầm:

Song song với quy hoạch giết mổ lợn, căn cứ thực tế số cơ sở giết mổ, số lượng trâu, bò và gia cầm được giết mổ hằng ngày và điều kiện thực tế hoạt động giết mổ của từng địa phương; chính quyền cấp xã xem xét, bố trí, sắp xếp cho phù hợp; có thể kết hợp quy hoạch loại hình trên vào cùng khu vực với cơ sở giết mổ lợn; bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động giết mổ có kiểm soát.

III. NỘI DUNG

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành

- Tập trung thực hiện chỉ đạo xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã; phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý giết mổ, kinh doanh động vật và sản phẩm động vật đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

- Duy trì kiểm tra, giám sát thường xuyên; xử lý nghiêm các vi phạm; đảm bảo không để tình trạng cơ sở giết mổ trái phép tự phát, không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm; tăng cường quản lý việc kinh doanh sản phẩm động vật, tại các chợ, ngoài thị trường.

- Tăng cường phối hợp giữa sở, ngành, đơn vị liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo chặt chẽ, kịp thời trong công tác quản lý giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật và sản phẩm động vật.

2. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật

- Tuyên truyền, vận động các chủ cơ sở giết mổ lợn thực hiện sự chỉ đạo

¹ Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.185 cơ sở giết mổ lợn công suất từ 1-2 con/ngày. Theo lộ trình nếu từ 2-3 cơ sở này liên kết thành 1 cơ sở thì số cơ sở giảm tương đương khoảng 700 cơ sở. Kết thúc giai đoạn 1, tổng số cơ sở giết mổ lợn còn khoảng 650 cơ sở.

của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp lại các cơ sở giết mổ lợn theo hướng hoạt động giết mổ lợn chỉ được thực hiện tại các cơ sở đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; quá trình giết mổ đảm bảo đúng quy trình, đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và được kiểm soát giết mổ động vật theo quy định.

- Công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng địa chỉ các cơ sở giết mổ động vật đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm có kiểm soát; các điểm kinh doanh, buôn bán thực phẩm đã qua kiểm soát giết mổ theo quy định để người dân biết và chọn lựa; đồng thời, công bố thông tin các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa truyền thanh xã, phường.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ thú y cấp xã, các cơ sở giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm, ban quản lý chợ, tiểu thương kinh doanh thịt gia súc, gia cầm về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và các chương trình quản lý chất lượng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật, áp dụng trong hoạt động kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y tại cơ sở giết mổ, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm.

3. Tổ chức sắp xếp, nâng cấp các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ

- Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn các chủ cơ sở giết mổ về điều kiện theo quy định của pháp luật đối với cơ sở giết mổ nhỏ lẻ (đăng ký kinh doanh, vệ sinh thú y, môi trường,...); quy định lộ trình, thời gian, bố trí quỹ đất để chủ cơ sở giết mổ cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở giết mổ theo kế hoạch của tỉnh và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y theo quy định.

- Căn cứ vào thực tế các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá các cơ sở giết mổ và lựa chọn cơ sở giết mổ có điều kiện, năng lực đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô, công suất giết mổ hiện có hoặc xây mới cơ sở giết mổ đáp ứng đủ các điều kiện và đủ công suất để tập trung những cơ sở giết mổ không đảm bảo trên địa bàn xã đưa vào giết mổ; xây dựng lộ trình giảm dần các cơ sở giết mổ không đảm bảo điều kiện theo kế hoạch của tỉnh.

- Theo lộ trình, thời gian quy định trong kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá, yêu cầu các cơ sở giết mổ không đảm bảo các điều kiện theo quy định, không có điều kiện cải tạo, nâng cấp chuyển đổi ngành nghề kinh doanh hoặc chuyển vào giết mổ tại cơ sở đảm bảo các điều kiện.

- Khuyến khích các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ (có điều kiện về tài chính, về quỹ đất, có nguyện vọng gắn bó với nghề lâu dài,...) đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng quy mô sản xuất hoặc đầu tư xây dựng mới cơ sở giết mổ động vật để đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

- Huy động nguồn lực hợp pháp hoặc bố trí kinh phí để hỗ trợ các chủ cơ sở cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động giết mổ, phục vụ công tác quản lý hoạt động của các cơ sở giết mổ; kiểm tra vệ sinh thú y, kiểm soát giết mổ.

4. Kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung và cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi

Rà soát, bố trí quỹ đất, tích cực kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp gắn với chế biến và bảo vệ môi trường.

5. Quản lý mạng lưới cơ sở giết mổ

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý hoạt động của cơ sở giết mổ động vật trên địa bàn với các nội dung: Chấp hành quy định về đăng ký kinh doanh; ký cam kết về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; chấp hành quy định về thực hiện kiểm soát giết mổ đối với động vật, sản phẩm động vật và kiểm dịch.

- Quản lý các điểm kinh doanh động vật và sản phẩm động vật tại chợ, điểm kinh doanh thực phẩm trên địa bàn; bảo đảm các sản phẩm động vật lưu thông, buôn bán có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và đã được kiểm soát giết mổ theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong hoạt động giết mổ động vật, kinh doanh sản phẩm động vật theo quy định; công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết và giám sát.

- Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hướng dẫn thực hiện kiểm soát giết mổ tại các cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y theo quy định.

IV. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm

- Kinh phí từ nguồn ngân sách được bố trí hàng năm cho các đơn vị, địa phương theo quy định hiện hành.

- Kinh phí từ nguồn đầu tư của các tổ chức, cá nhân tham gia trong hoạt động giết mổ, buôn bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; từ nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước; từ nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí để triển khai thực hiện

Các đơn vị được giao kinh phí thực hiện Kế hoạch có trách nhiệm sử dụng kinh phí đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp và phù hợp (về đối tượng; phạm vi; nội dung, mức hỗ trợ; trình tự, thủ tục triển khai thực hiện) với các cơ chế, chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì xây dựng, ban hành hoặc tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để triển khai đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; trên cơ sở đó, tổng hợp danh sách các cơ sở giết mổ đủ điều kiện tham gia mạng lưới cơ sở giết mổ được quy hoạch.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất, tham mưu các cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp với thực tiễn để thúc đẩy việc hình thành, phát triển và vận hành hiệu quả các cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn điều kiện vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với cơ sở giết mổ động vật trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm soát giết mổ, tham mưu cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động giết mổ.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện của cấp xã đảm bảo các địa phương bám sát với các nhiệm vụ, lộ trình thực hiện kế hoạch của tỉnh; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch; tiếp nhận, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các sở, ngành, địa phương; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tiễn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm động vật được giết mổ, chế biến tập trung, bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố danh mục dự án thu hút đầu tư lĩnh vực giết mổ động vật, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án xây dựng cơ sở giết mổ động vật tập trung; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, quản lý các dự án đầu tư đảm bảo theo quy định;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tiếp cận, nghiên cứu thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực hoạt động giết mổ động vật.

3. Sở Công Thương

- Chỉ đạo các đơn vị quản lý chợ, trung tâm thương mại và các cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp trong đó có sản phẩm từ động vật chấp hành nghiêm các quy định, điều kiện về an toàn thực phẩm và nguồn gốc xuất xứ hàng hoá, không kinh doanh động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, chưa được kiểm soát giết mổ;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan quảng bá sản phẩm, khai thác và mở rộng thị trường đối với các sản phẩm gia súc, gia cầm được giết mổ, chế biến tập trung được kiểm soát giết mổ;

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường kiểm tra, kiểm soát hoạt động

kinh doanh về giết mổ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật lưu thông trên thị trường.

4. Sở Y tế

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; chỉ đạo các đơn vị trong ngành, các cơ sở y tế, bệnh viện,..., chỉ sử dụng thịt động vật rõ nguồn gốc, được kiểm soát giết mổ (có giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật đối với thịt được mua từ tỉnh ngoài, có dấu kiểm soát giết mổ của cơ quan thú y đối với thịt xuất phát từ các cơ sở trong tỉnh; chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương thường xuyên thanh tra, kiểm tra công tác an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm hành vi vi phạm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm: những bệnh truyền lây giữa người và động vật, ngộ độc thực phẩm; tuyên truyền thay đổi thói quen, tập quán tiêu dùng thực phẩm của người dân theo hướng sử dụng thực phẩm an toàn, rõ nguồn gốc, được kiểm soát giết mổ của cơ quan thú y.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các trường học, đơn vị trực thuộc yêu cầu các đơn vị cung ứng suất ăn cho học sinh chỉ sử dụng thịt động vật rõ nguồn gốc, được kiểm soát giết mổ (có giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật đối với thịt được mua từ tỉnh ngoài, có dấu kiểm soát giết mổ của cơ quan thú y đối với thịt xuất phát từ các cơ sở trong tỉnh).

6. Công an tỉnh

- Chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát lưu thông, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; ngăn chặn việc vận chuyển kinh doanh động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không đảm bảo an toàn thực phẩm;

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị nghiệp vụ, Công an cấp xã chủ động nắm tình hình địa bàn, lĩnh vực được phân công để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vận chuyển, kinh doanh, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

7. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

- Phối hợp kêu gọi, thu hút, khuyến khích doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật vào các khu công nghiệp và các địa phương trong tỉnh;

- Phối hợp tuyên truyền đến các doanh nghiệp trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh, các cụm công nghiệp khu vực sử dụng thực phẩm phục vụ các bữa ăn cho công nhân phải rõ nguồn gốc, được kiểm soát giết mổ (có giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật đối với thịt được mua từ tỉnh ngoài, có dấu kiểm soát giết mổ hoặc tem vệ sinh thú y đối với thịt xuất phát từ các cơ sở trong tỉnh).

- Tiếp tục tổ chức các cuộc thăm quan, học tập, hội chợ để quảng bá, giới thiệu các sản phẩm an toàn của tỉnh; phối hợp kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi tại tỉnh.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, người giết mổ, kinh doanh, người tiêu dùng thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật và thực hiện chương trình giám sát theo quy định; tuyên truyền vận động nhân dân trong thay đổi thói quen tiêu dùng thực phẩm an toàn.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Căn cứ các nội dung theo Kế hoạch của tỉnh, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn; trong đó, có phương án, lộ trình sắp xếp cơ sở giết mổ không đạt tiêu chí, không đảm bảo điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây ô nhiễm môi trường theo mục tiêu chung của tỉnh.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch tại địa phương theo đúng quy định.

- Rà soát, bố trí địa điểm, quỹ đất xây mới hoặc nâng cấp thành cơ sở giết mổ tập trung hoặc tập trung tạm thời tại địa phương đảm bảo các tiêu chí theo quy định; kêu gọi, thu hút và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giết mổ động vật theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra hoạt động của cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y trên địa bàn theo quy định; kiên quyết xóa bỏ, tạm dừng các cơ sở giết mổ tự phát, trái phép, không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, gây mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường; khảo sát, lựa chọn địa điểm cho phép tổ chức, cá nhân làm cơ sở giết mổ tập trung tạm thời, giết mổ khép kín trên địa bàn đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

- Hàng năm rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời nội dung kế hoạch để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch của tỉnh; kiến nghị, đề xuất các nội dung chưa phù hợp trong kế hoạch của tỉnh để xem xét điều chỉnh kịp thời (nếu có).

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu trên địa bàn đề xảy ra tình trạng giết mổ động vật trái phép, không đảm bảo công suất giết mổ theo lộ trình, kinh doanh sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, chưa được kiểm soát, mất an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Chỉ đạo các đơn vị quản lý chợ trên địa bàn hướng dẫn các cơ sở kinh doanh, buôn bán thực phẩm lập sổ sách, ghi chép nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, lưu giữ hợp đồng, hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật kinh doanh; thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, để phục vụ kiểm tra việc truy xuất nguồn gốc theo quy định; xây dựng, ban hành quy chế về quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm tại chợ; thường xuyên kiểm tra, rà soát, theo dõi, đôn đốc các cơ sở thực hiện các thủ tục pháp lý, quy định về An toàn thực phẩm và nội quy chợ, phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm quy định tới cấp xã và các ngành chức năng để xử lý; phối hợp với ngành chức năng trong kiểm tra,

lấy mẫu kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với thịt gia súc, gia cầm.

10. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất nhà xưởng, trang thiết bị phục vụ cho việc giết mổ đảm bảo các điều kiện về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng, thông tin kịp thời khi phát hiện các trường hợp vi phạm trong hoạt động giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật để xử lý vi phạm và truy xuất nguồn gốc.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động nghiên cứu kỹ nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30/11 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

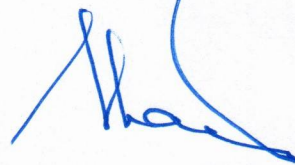
- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Kế hoạch được ban hành, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch chi tiết trong đó có phương án dự kiến xây dựng mới hoặc nâng cấp cơ sở giết mổ đã có để thực hiện kiểm soát giết mổ đảm bảo giảm tỷ lệ cơ sở giết mổ theo lộ trình chung của tỉnh; báo cáo kết quả và gửi danh sách cơ sở đủ điều kiện để thực hiện kiểm soát giết mổ về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp).

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo./. 

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và Đài PT&TH Hưng Yên;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Chi Cục PTNT tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^(T.Tuấn). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lai Văn Hoàn

Phụ lục 1. Tổng hợp số lượng cơ sở giết mổ lợn theo công suất
(Kèm theo Kế hoạch số 153/KH-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất				Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất (con/ngày)
		Dưới 3 con/cơ sở/ngày	Từ 3 đến dưới 10 con/cơ sở/ngày	Từ 10 đến dưới 20 con/cơ sở/ngày	Trên 20 con/cơ sở/ngày		
1	Phường Đường Hào	2	3			5	19
2	Phường Hồng Châu	2	1			3	7
3	Phường Mỹ Hào	4	25	1		30	145
4	Phường Phố Hiến	17	1	2		20	49
5	Phường Sơn Nam	8				8	9
6	Phường Thái Bình	20				20	21
7	Phường Thượng Hồng	18	2			20	26
8	Phường Trà Lý	27	1			28	32
9	Phường Trần Hưng Đạo	4				4	56
10	Phường Vũ Phúc	21	1	1		23	5
11	Xã A Sào	17	1			18	26
12	Xã Ái Quốc	4	1			5	9
13	Xã Ân Thi	11				11	10
14	Xã Bắc Đông Hưng	21				21	
15	Xã Bắc Đông Quan	15				15	14
16	Xã Bắc Tiên Hưng	18	1	1	1	21	57
17	Xã Bắc Thái Ninh	8		3		11	46
18	Xã Bắc Thụy Anh	9				9	9
19	Xã Bình Nguyên	9	1			10	11
20	Xã Bình Thanh	10				10	8
21	Xã Châu Ninh	3				3	3
22	Xã Chí Minh		2			2	9
23	Xã Diên Hà	17				17	18
24	Xã Đại Đồng		1	1		2	22
25	Xã Đoàn Đào	10				10	10
26	Xã Đồng Châu	19	2			21	39
27	Xã Đông Hưng	19				19	22
28	Xã Đông Quan	19				19	18
29	Xã Đông Tiền Hải	16				16	17
30	Xã Đông Tiên Hưng	13				13	14
31	Xã Đông Thái Ninh	24	3			27	42
32	Xã Đông Thụy Anh	14				14	14

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất				Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất (con/ngày)
		Dưới 3 con/cơ sở/ngày	Từ 3 đến dưới 10 con/cơ sở/ngày	Từ 10 đến dưới 20 con/cơ sở/ngày	Trên 20 con/cơ sở/ngày		
33	Xã Đức Hợp	10		2		12	36
34	Xã Hiệp Cường	7				7	7
35	Xã Hoàn Long		4	1	3	8	103
36	Xã Hoàng Hoa Thám	33	1			34	43
37	Xã Hồng Minh	17	1			18	26
38	Xã Hồng Quang	24	1			25	27
39	Xã Hồng Vũ	12				12	13
40	Xã Hưng Hà	17	1			18	20
41	Xã Hưng Phú	9	1			10	13
42	Xã Kiến Xương	33				33	33
43	Xã Khoái Châu	5	5			10	34
44	Xã Lạc Đạo	2	2	2		6	38
45	Xã Lê Lợi	13				13	15
46	Xã Lê Quý Đôn	10	1	1		12	26
47	Xã Long Hưng	15	1			16	21
48	Xã Lương Bằng	7	1			8	11
49	Xã Mỹ Sở		1			1	3
50	Xã Minh Thọ	5				5	4
51	Xã Nam Cường	14	1			15	25
52	Xã Nam Đông Hưng	7				7	7
53	Xã Nam Tiền Hải	11				11	10
54	Xã Nam Tiên Hưng	26				26	27
55	Xã Nam Thái Ninh	15				15	15
56	Xã Nam Thụy Anh	11	1	1		13	27
57	Xã Nghĩa Dân		14			14	56
58	Xã Nghĩa Trụ		2	13		15	176
59	Xã Ngọc Lâm	15				15	21
60	Xã Nguyễn Du	16				16	18
61	Xã Nguyễn Trãi	8				8	8
62	Xã Nguyễn Văn Linh	4	1			5	10
63	Xã Như Quỳnh		1	2	1	4	63
64	Xã Phạm Ngũ Lão	2				2	2
65	Xã Phụ Dực		2			2	6
66	Xã Quang Hưng	36				36	42
67	Xã Quang Lịch	11				11	11
68	Xã Quỳnh An	36				36	39

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất				Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất (con/ngày)
		Dưới 3 con/cơ sở/ngày	Từ 3 đến dưới 10 con/cơ sở/ngày	Từ 10 đến dưới 20 con/cơ sở/ngày	Trên 20 con/cơ sở/ngày		
69	Xã Quỳnh Phụ	13				13	14
70	Xã Tân Hưng	4	1			5	9
71	Xã Tân Tiến	12	1			13	17
72	Xã Tân Thuận	3	2			5	15
73	Xã Tây Tiền Hải	18	1			19	21
74	Xã Tây Thái Ninh	45				45	49
75	Xã Tây Thụy Anh	10				10	10
76	Xã Tiền Hải	3	3			6	17
77	Xã Tiên Hoa	6	2			8	14
78	Xã Tiên Hưng	8				8	8
79	Xã Tiên La	18	5		1	24	56
80	Xã Tiên Lữ	7	1			8	15
81	Xã Tiên Tiến	16	1			17	21
82	Xã Tổng Trân	8				8	8
83	Xã Thái Ninh	15				15	16
84	Xã Thái Thụy	21	2			23	30
85	Xã Thần Khê	15				15	14
86	Xã Thụy Anh	15				15	15
87	Xã Thư Trì	1				1	1
88	Xã Thư Vũ	9				9	9
89	Xã Trà Giang	12				12	10
90	Xã Triệu Việt Vương	13				13	19
91	Xã Vạn Xuân	14	2			16	30
92	Xã Văn Giang		2	2		4	31
93	Xã Việt Tiến	9	4			13	27
94	Xã Việt Yên		4			4	30
95	Xã Vũ Quý	13	2			15	21
96	Xã Vũ Tiên	12				12	12
97	Xã Vũ Thư	28	2			30	37
98	Xã Xuân Trúc	8	1			9	14
99	Xã Yên Mỹ	1	4	1		6	30
Tổng		1.187	128	34	6	1.355	2.443

*Ghi chú: Các xã/phường chưa có báo cáo gồm phường Trần Lãm, xã Đồng Bằng, xã Ngự Thiên, xã Phụng Công; xã Bình Định có báo cáo nhưng chưa có danh sách hộ giết mổ, xã Bắc Đông Hưng đã có báo cáo nhưng thiếu thông tin công suất giết mổ của từng hộ.

Phụ lục 2. Tổng hợp số lượng cơ sở giết mổ gia cầm theo công suất
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất			Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất (con/ngày)
		Dưới 50 con/cơ sở/ngày	Từ 50 đến dưới 100 con/cơ sở/ngày	Trên 100 con/cơ sở/ngày		
1	Phường Đường Hào	8			8	85
2	Phường Hồng Châu	2			2	70
3	Phường Mỹ Hào	18	2		20	437
4	Phường Phố Hiến	20	2	3	25	744
5	Phường Sơn Nam	4	1		5	105
6	Phường Thái Bình	14			14	160
7	Phường Thượng Hồng	9			9	33
8	Phường Trà Lý	29	7		36	990
9	Phường Vũ Phúc	11			11	120
10	Phường Trần Hưng Đạo					
11	Xã A Sào	1			1	15
12	Xã Ái Quốc	1			1	30
13	Xã Ân Thi	5			5	108
14	Xã Bắc Đông Hưng	2			2	
15	Xã Bắc Đông Quan	2			2	25
16	Xã Bắc Tiên Hưng	5			5	41
17	Xã Bắc Thái Ninh	1			1	15
18	Xã Bắc Thụy Anh	7			7	121
19	Xã Bình Nguyên	3			3	41
20	Xã Bình Thanh	4			4	24
21	Xã Châu Ninh					
22	Xã Chí Minh	7			7	105
23	Xã Diên Hà	5			5	43
24	Xã Đại Đồng	10			10	143
25	Xã Đoàn Đào	1			1	10
26	Xã Đồng Châu	3			3	4
27	Xã Đông Hưng	1			1	15
28	Xã Đông Quan	2			2	40
29	Xã Đông Tiền Hải		1		1	50
30	Xã Đông Tiên Hưng	1	1		2	89
31	Xã Đông Thái Ninh	3			3	65
32	Xã Đông Thụy Anh					
33	Xã Đức Hợp	1		1	2	535
34	Xã Hiệp Cường	2			2	60
35	Xã Hoàn Long	9	4		13	485
36	Xã Hoàng Hoa Thám	4			4	50

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất			Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất (con/ngày)
		Dưới 50 con/cơ sở/ngày	Từ 50 đến dưới 100 con/cơ sở/ngày	Trên 100 con/cơ sở/ngày		
37	Xã Hồng Minh	2			2	25
38	Xã Hồng Quang	3	1		4	113
39	Xã Hồng Vũ	2			2	34
40	Xã Hưng Hà	1			1	
41	Xã Hưng Phú	4			4	85
42	Xã Kiến Xương	6			6	23
43	Xã Khoái Châu	24			24	339
44	Xã Lạc Đạo	14			14	280
45	Xã Lê Lợi					
46	Xã Lê Quý Đôn	4			4	4
47	Xã Long Hưng	6			6	77
48	Xã Lương Bằng	4			4	19
49	Xã Mỹ Sở	12			12	113
50	Xã Minh Thọ					
51	Xã Nam Cường	1			1	
52	Xã Nam Đông Hưng					
53	Xã Nam Tiền Hải	5			5	108
54	Xã Nam Tiên Hưng	1			1	20
55	Xã Nam Thái Ninh	2			2	24
56	Xã Nam Thụy Anh	5	1		6	195
57	Xã Nghĩa Dân					
58	Xã Nghĩa Trụ	2	5		7	395
59	Xã Ngọc Lâm	3			3	80
60	Xã Nguyễn Du					
61	Xã Nguyễn Trãi	4			4	38
62	Xã Nguyễn Văn Linh	20			20	373
63	Xã Như Quỳnh	27	1		28	813
64	Xã Phạm Ngũ Lão	9			9	115
65	Xã Phụ Dực					
66	Xã Quang Hưng	23			23	305
67	Xã Quang Lịch					
68	Xã Quỳnh An	8			8	119
69	Xã Quỳnh Phụ	3	3		6	263
70	Xã Tân Hưng	4	1		5	130
71	Xã Tân Tiến	11			11	94
72	Xã Tân Thuận	5			5	50
73	Xã Tây Tiền Hải	6			6	73
74	Xã Tây Thái Ninh	21			21	152
75	Xã Tây Thụy Anh					

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất			Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất (con/ngày)
		Dưới 50 con/cơ sở/ngày	Từ 50 đến dưới 100 con/cơ sở/ngày	Trên 100 con/cơ sở/ngày		
76	Xã Tiên Hải	2			2	25
77	Xã Tiên Hoa	3			3	25
78	Xã Tiên Hưng	5			5	29
79	Xã Tiên La	7			7	66
80	Xã Tiên Lữ	1			1	17
81	Xã Tiên Tiến	3			3	26
82	Xã Tổng Trân	1			1	25
83	Xã Thái Ninh	6			6	45
84	Xã Thái Thụy	5	11		16	625
85	Xã Thần Khê	2			2	14
86	Xã Thụy Anh	2			2	25
87	Xã Thư Trì					
88	Xã Thư Vũ	2			2	8
89	Xã Trà Giang	2			2	10
90	Xã Triệu Việt Vương	28			28	196
91	Xã Vạn Xuân					
92	Xã Văn Giang	22	3		25	489
93	Xã Việt Tiến	11			11	265
94	Xã Việt Yên	11			11	339
95	Xã Vũ Quý	3			3	15
96	Xã Vũ Tiên					
97	Xã Vũ Thư	7	1		8	177
98	Xã Xuân Trúc	5			5	60
99	Xã Yên Mỹ	22		2	24	580
		587	45	6	638	12.378

Phụ lục 3. Tổng hợp số lượng cơ sở giết mổ trâu, bò theo công suất
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất	Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất của xã (con/ngày)
		01 con/cơ sở/ngày		
1	Phường Đường Hào			
2	Phường Hồng Châu			
3	Phường Mỹ Hào	1	1	1,00
4	Phường Phố Hiến	1	1	1,00
5	Phường Sơn Nam	2	2	2,00
6	Phường Thái Bình	6	6	6,00
7	Phường Thượng Hồng			
8	Phường Trà Lý			
9	Phường Vũ Phúc	2	2	3,00
10	Phường Trần Hưng Đạo	1	1	1,00
11	Xã A Sào			
12	Xã Ái Quốc	1	1	1,00
13	Xã Ân Thi	6	6	1,47
14	Xã Bắc Đông Hưng			
15	Xã Bắc Đông Quan	1	1	0,50
16	Xã Bắc Tiên Hưng	1	1	0,00
17	Xã Bắc Thái Ninh	1	1	1,00
18	Xã Bắc Thụy Anh	1	1	1,00
19	Xã Bình Nguyên	1	1	0,17
20	Xã Bình Thanh	2	2	1,17
21	Xã Châu Ninh			
22	Xã Chí Minh			
23	Xã Diên Hà	6	6	9,50
24	Xã Đại Đồng	1	1	1,50
25	Xã Đoàn Đào			
26	Xã Đồng Châu	1	1	1,00
27	Xã Đông Hưng			
28	Xã Đông Quan	1	1	1,00
29	Xã Đông Tiền Hải	1	1	2,00
30	Xã Đông Tiên Hưng	1	1	0,14
31	Xã Đông Thái Ninh	3	3	3,00
32	Xã Đông Thụy Anh	1	1	1,00
33	Xã Đức Hợp			
34	Xã Hiệp Cường			
35	Xã Hoàn Long	1	1	1,00
36	Xã Hoàng Hoa Thám	3	3	3,00
37	Xã Hồng Minh			

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất	Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất của xã (con/ngày)
		01 con/cơ sở/ngày		
38	Xã Hồng Quang	1	1	0,30
39	Xã Hồng Vũ	2	2	1,00
40	Xã Hưng Hà	1	1	1,00
41	Xã Hưng Phú	1	1	0,10
42	Xã Kiến Xương	3	3	0,30
43	Xã Khoái Châu			
44	Xã Lạc Đạo			
45	Xã Lê Lợi	2	2	0,63
46	Xã Lê Quý Đôn	1	1	1,00
47	Xã Long Hưng	3	3	3,00
48	Xã Lương Bằng			
49	Xã Mỹ Sở			
50	Xã Minh Thọ	1	1	1,00
51	Xã Nam Cường	4	4	4,00
52	Xã Nam Đông Hưng	1	1	0,30
53	Xã Nam Tiền Hải	6	6	1,47
54	Xã Nam Tiên Hưng			
55	Xã Nam Thái Ninh	1	1	0,50
56	Xã Nam Thụy Anh	1	1	2,00
57	Xã Nghĩa Dân			
58	Xã Nghĩa Trụ			
59	Xã Ngọc Lâm	1	1	0,30
60	Xã Nguyễn Du			
61	Xã Nguyễn Trãi	2	2	0,60
62	Xã Nguyễn Văn Linh			
63	Xã Như Quỳnh			
64	Xã Phạm Ngũ Lão			
65	Xã Phụ Dực			
66	Xã Quang Hưng	1	1	1,00
67	Xã Quang Lịch			
68	Xã Quỳnh An	3	3	2,60
69	Xã Quỳnh Phụ	1	1	1,00
70	Xã Tân Hưng			
71	Xã Tân Tiến			
72	Xã Tân Thuận			
73	Xã Tây Tiền Hải	2	2	2,00
74	Xã Tây Thái Ninh	4	4	3,25
75	Xã Tây Thụy Anh			
76	Xã Tiền Hải	2	2	2,00
77	Xã Tiên Hoa			

TT	Xã/phường	Số cơ sở giết mổ của xã/phường theo công suất	Tổng số cơ sở giết mổ	Tổng công suất của xã (con/ngày)
		01 con/cơ sở/ngày		
78	Xã Tiên Hưng	2	2	1,00
79	Xã Tiên La	3	3	1,50
80	Xã Tiên Lữ	2	2	4,00
81	Xã Tiên Tiến			
82	Xã Tống Trân	2	2	2,00
83	Xã Thái Ninh			
84	Xã Thái Thụy	1	1	1,00
85	Xã Thần Khê	1	1	0,10
86	Xã Thụy Anh	2	2	2,00
87	Xã Thư Trì	2	2	0,55
88	Xã Thư Vũ	1	1	0,30
89	Xã Trà Giang	1	1	0,07
90	Xã Triệu Việt Vương			
91	Xã Vạn Xuân	2	2	2,00
92	Xã Văn Giang	1	1	1,00
93	Xã Việt Tiến			
94	Xã Việt Yên			
95	Xã Vũ Quý	2	2	1,00
96	Xã Vũ Tiên	1	1	1,00
97	Xã Vũ Thư	3	3	2,00
98	Xã Xuân Trúc	1	1	1,00
99	Xã Yên Mỹ	2	2	2,00
	Tổng	119	119	95